

BÁO CÁO

Kết quả xác định Chỉ số Cải cách hành chính năm 2015 của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Thực hiện Quyết định số 3175/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) năm 2015 của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Sở Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, hướng dẫn triển khai thực hiện xác định Chỉ số CCHC năm 2015 nhằm đánh giá một cách thực chất, khách quan, công bằng kết quả triển khai thực hiện công tác CCHC của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Sau khi triển khai thực hiện, Sở Nội vụ báo cáo tình hình và kết quả xác định Chỉ số CCHC cấp sở, cấp huyện năm 2015 với các nội dung sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

Triển khai kế hoạch UBND tỉnh giao, ngày 27/11/2015, Sở Nội vụ đã tổ chức Hội nghị triển khai và chuyển giao phiếu điều tra xã hội học về các cơ quan, đơn vị, địa phương; theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện.

Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3535/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 về việc thành lập Hội đồng thẩm định xác định Chỉ số CCHC cấp sở, ban, ngành và cấp huyện năm 2015 gồm 10 thành viên là đại diện lãnh đạo và công chức các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông. Từ ngày 23- 24/12/2015, Hội đồng đã tổ chức họp thẩm định, xác định kết quả sơ bộ chỉ số CCHC các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã.

Để đảm bảo tính chính xác, khách quan, ngày 05/01/2016, Hội đồng thẩm định đã có Công văn số 08/HĐTĐ đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã giải trình, bổ sung tài liệu kiểm chứng đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần. Từ ngày 11- 15/01/2016, các thành viên Hội đồng thẩm định đã rà soát điểm đánh giá, xác định kết quả đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Ngày 26/02/2015, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC đã tổ chức cuộc họp liên ngành với các sở, ban,

ngành, đơn vị đề rà soát kết quả chỉ số CCHC cấp sở năm 2015 của một số sở, ngành đề nghị điều chỉnh và bổ sung tài liệu kiểm chứng (Đính kèm Biên bản họp liên ngành về việc rà soát kết quả chỉ số CCHC cấp sở năm 2015).

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2015

1. Đối tượng và phương pháp xác định Chỉ số CCHC

a. Đối tượng

- Ở cấp tỉnh: Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (20 sở, ban, ngành);

- Ở cấp huyện: Các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh (08 đơn vị).

b. Phương pháp xác định Chỉ số CCHC

- Việc xác định Chỉ số CCHC năm 2015 được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 3229/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số CCHC sở, ban, ngành cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Bình”.

- Về công tác thẩm định, Hội đồng thẩm định thống nhất chấm 50% điểm cho sở, ban, ngành, địa phương phải thực hiện tiêu chí đó nhưng do điều kiện khách quan mà chưa thể thực hiện được. Đối với các tiêu chí mà tại sở, ngành đó không có thì chấm 100% điểm cho tiêu chí đó.

- Điểm số đánh giá Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương là kết quả tổng điểm thẩm định của Hội đồng với điểm điều tra xã hội học. Điểm điều tra xã hội học của chỉ số CCHC cấp sở, cấp huyện là 25/100 điểm, được tập hợp từ điểm đánh giá của 10 tiêu chí, 23 tiêu chí thành phần đối với cấp sở, ngành; 11 tiêu chí, 24 tiêu chí thành phần đối với cấp huyện; kết quả điểm đánh giá của các tiêu chí, tiêu chí thành phần năm 2015 được tổng hợp từ tổng số 2.476 phiếu điều tra xã hội học tại 28 cơ quan, đơn vị, địa phương. Từ điểm số đánh giá này so với tổng điểm tối đa trong bộ chỉ số để tính tỷ lệ đạt được về Chỉ số CCHC của từng đơn vị cụ thể, trình UBND tỉnh xếp hạng CCHC năm 2015.

2. Tình hình triển khai thực hiện xác định Chỉ số CCHC năm 2015

a. Công tác tự đánh giá, chấm điểm

Sau quá trình triển khai, đến ngày 23/12/2015, tất cả các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố đã gửi báo cáo tự đánh giá chấm điểm của đơn vị kèm theo tài liệu kiểm chứng về Sở Nội vụ. Phần lớn các báo cáo tự đánh giá, chấm điểm và tài liệu kiểm chứng đều đầy đủ, hợp lệ. Tuy nhiên, vẫn còn một

số đơn vị, địa phương chưa chủ động triển khai kế hoạch nên chậm trễ so với quy định (Thanh tra tỉnh, UBND thành phố Đồng Hới), báo cáo, tài liệu kiểm chứng của một số đơn vị, địa phương còn sơ sài, thiếu cơ sở, nhiều nội dung chầm còn thiếu, không rõ ràng, tập trung vào các tiêu chí, tiêu chí thành phần: “Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL”, “Cải cách thủ tục hành chính”, “Hiện đại hoá nền hành chính” tại các cơ quan, đơn vị, địa phương (Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch, Ban Dân tộc, Thanh tra tỉnh, UBND thị xã Ba Đồn, UBND huyện Minh Hóa, UBND huyện Bố Trạch...) khiến việc rà soát, thẩm định, đánh giá gặp nhiều khó khăn, thời gian thẩm định kéo dài.

(Đính kèm Phụ lục 3, 4 - Điểm thẩm định theo các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần đối với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã)

b. Tổ chức điều tra xã hội học

Sở Nội vụ đã chủ trì triển khai công tác điều tra xã hội học đối với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã với tổng số phiếu điều tra là 2.476 phiếu (tăng 200 phiếu so với năm 2014, tập trung vào 2 đối tượng: Người dân và tổ chức, doanh nghiệp có giao dịch với đơn vị điều tra).

Từ ngày 27/11/2015 - 10/12/2015, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tiến hành điều tra, thu thập phiếu, gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp, xử lý số liệu, kết quả thu về tổng số 2.473 phiếu, đạt 99,88% so với tổng số phiếu đã phát ra, do đối tượng điều tra tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương không đủ so với số lượng dự kiến. (Ban Dân tộc chỉ có 02/03 lãnh đạo sở; phòng dân tộc UBND huyện Lệ Thủy chỉ có 02/04 công chức theo dự kiến số lượng đối tượng điều tra). Số phiếu cụ thể:

- Lấy phiếu đánh giá cho cấp sở, ban, ngành: 1.556 phiếu (tăng 200 phiếu so với năm 2014), trong đó:

+ Lãnh đạo các sở, ban, ngành đánh giá: 60 phiếu (3 phiếu × 20 sở, ban, ngành);

+ Lãnh đạo các phòng thuộc sở, ban, ngành đánh giá: 280 phiếu (14 phiếu × 20 sở, ban, ngành);

+ Lãnh đạo UBND cấp huyện đánh giá: 24 phiếu (03 phiếu × 8 huyện, thành phố, thị xã);

+ Lãnh đạo, công chức các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện đánh giá cho sở, ban, ngành quản lý cấp trên: 592 phiếu (04 phiếu × 8 huyện × 18 sở, ngành; Ban Dân tộc điều tra 4 huyện có phòng Dân tộc × 4 phiếu/huyện; Ban QL Khu kinh tế không điều tra đối tượng này);

+ Doanh nghiệp, tổ chức có liên quan đánh giá: 325 phiếu (tăng 95 phiếu so với năm 2014);

+ Người dân có liên quan giao dịch: 275 phiếu (tăng 105 phiếu so với năm 2014).

- Lấy phiếu đánh giá cho cấp huyện: 920 phiếu, trong đó:

+ Đại biểu HĐND, lãnh đạo UBND cấp huyện đánh giá: 160 phiếu (Đại diện Hội đồng nhân dân cấp huyện 20 phiếu × 8 huyện, thành phố, thị xã; Lãnh đạo UBND 4 phiếu × 8 huyện, thành phố, thị xã);

+ Lãnh đạo các phòng, đơn vị trực thuộc cấp huyện đánh giá: 168 phiếu (21 phiếu × 8 huyện, thành phố, thị xã);

+ Lãnh đạo UBND cấp xã đánh giá cho UBND huyện: 160 phiếu (20 phiếu × 8 huyện, thành phố, thị xã);

+ Doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất liên quan đánh giá: 120 phiếu (15 phiếu × 8 huyện, thành phố, thị xã);

+ Người dân đánh giá: 280 phiếu (35 phiếu × 8 huyện, thành phố, thị xã).

Để đảm bảo tính khách quan của kết quả điều tra xã hội học, các mẫu phiếu điều tra lấy ý kiến của Lãnh đạo UBND cấp huyện và Lãnh đạo, công chức các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện đánh giá cho sở, ban, ngành quản lý cấp trên đều được Sở Nội vụ gửi trực tiếp về UBND các huyện, thành phố, thị xã để tiến hành điều tra.

Công tác điều tra xã hội học phục vụ xác định Chỉ số CCHC năm 2015 của các cơ quan, đơn vị, địa phương đã được triển khai nghiêm túc, khách quan, đúng quy định. Tuy nhiên, còn một số cơ quan, đơn vị, địa phương có nhiều phiếu điều tra chưa cung cấp đầy đủ thông tin cần thu thập, còn tồn tại phiếu có tình trạng sửa chữa kết quả (UBND huyện Minh Hoá, UBND thị xã Ba Đồn...).

Trên cơ sở tổng hợp kết quả phiếu điều tra xã hội học và xử lý số liệu, đã xác định được điểm của 24 tiêu chí, tiêu chí thành phần của 20 sở, ban, ngành và 25 tiêu chí, tiêu chí thành phần của 8 huyện, thành phố, thị xã theo quy định.

(Đính kèm Phụ lục 5, 6 - Điểm điều tra xã hội học đối với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố).

III. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CCHC NĂM 2015

1. Kết quả chung

Qua xác định Chỉ số CCHC năm 2015 của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện cho thấy tình hình công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương có nhiều tiến bộ; giá trị Chỉ số CCHC trung bình chung của cấp sở và

cấp huyện đều tăng. Cụ thể, Chỉ số CCHC trung bình của 20 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đạt được là 80,8% (tăng 3,79% so với năm 2014), của 8 đơn vị cấp huyện là 80,6% (tăng 8,59%). Căn cứ chỉ số của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã, kết quả xếp hạng Chỉ số CCHC của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, và UBND cấp huyện (dựa trên cơ sở phân loại của Bộ Nội vụ) cụ thể như sau:

- Nhóm Tốt (đạt chỉ số trên 80%): có 13 sở, ngành (tăng 3 đơn vị so với năm 2014, gồm các đơn vị: Tư pháp, Giao thông vận tải, Ban Quản lý khu kinh tế, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ngoại vụ, Văn phòng UBND tỉnh, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông). Trong đó, Sở Tư pháp tiếp tục là đơn vị dẫn đầu, đạt chỉ số CCHC trên 90%, nhiều đơn vị có chỉ số tăng trưởng vượt bậc như: Sở Tài nguyên và Môi trường (đạt 83,03%, tăng 7,2%, từ nhóm Trung bình lên nhóm Tốt), Sở Ngoại vụ (đạt 82,09%, tăng 13,48% so với năm 2014, từ nhóm Thấp lên nhóm Tốt), Văn phòng UBND tỉnh (đạt 81,37%, từ nhóm Trung bình lên nhóm Tốt)... Ở cấp huyện, có 04 đơn vị được xếp vào nhóm Tốt, tăng 02 đơn vị so với năm 2014, gồm: UBND thành phố Đồng Hới, UBND huyện Quảng Ninh, UBND huyện Tuyên Hóa, UBND huyện Bố Trạch.

- Nhóm Khá (đạt Chỉ số từ 75% - 80%): Có 02 sở, ngành (giữ nguyên so với năm 2014) gồm: Sở Tài chính, Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch. Đối với cấp huyện, không có đơn vị nào đạt nhóm Khá.

- Nhóm Trung bình (đạt Chỉ số từ 70% - dưới 75%): Có 04 sở, ngành và 03 đơn vị cấp huyện (giữ nguyên số lượng so với năm 2014) gồm: Ban Dân tộc, Y tế, Công Thương, Thanh tra tỉnh; UBND thị xã Ba Đồn, UBND huyện Lệ Thủy, UBND huyện Quảng Trạch.

- Nhóm Thấp (đạt Chỉ số CCHC dưới 70%): Có 01 sở, ngành (giảm 03 đơn vị so với năm 2014) và 01 đơn vị cấp huyện (giảm 02 đơn vị so với năm 2014) gồm: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội; UBND huyện Minh Hóa.

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh, có 01 đơn vị cấp huyện (UBND huyện Minh Hóa) và 05 đơn vị cấp sở (Ban Dân tộc, Sở Y tế, Sở Công Thương, Thanh tra tỉnh, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội) chưa đạt đủ điểm để xem xét khen thưởng năm 2015 theo quy định.

Qua kết quả chỉ số của 8 lĩnh vực CCHC cho thấy, những kết quả đạt được tương đối khách quan, thực chất so với quá trình triển khai thực hiện CCHC theo chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 của các sở,

ban, ngành và UBND cấp huyện. So với năm 2014, đa số các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện đã chủ động, tích cực và có trách nhiệm hơn trong việc triển khai thực hiện công tác CCHC, vì vậy tỷ lệ đơn vị có chỉ số tăng chiếm 65%, trong đó đạt Chỉ số CCHC cao là những sở, ban, ngành năng động, coi trọng công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, nghiêm túc xây dựng kế hoạch, có sự kiểm tra, thống kê báo cáo đầy đủ các nội dung theo yêu cầu; tổ chức thực hiện nghiêm túc công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC), cải cách tổ chức bộ máy hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đổi mới cơ chế tài chính, hiện đại hóa hành chính, thực hiện tốt các quy định về thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông như: Sở Tư Pháp (đạt 93,71%), Sở Giao thông vận tải (đạt 89,08%), Ban quản lý Khu Kinh tế (đạt 88,31%), UBND thành phố Đồng Hới (đạt 88,92%), UBND huyện Quảng Ninh (đạt 87,62%),...

(Đính kèm Phụ lục 1, 2 - Bảng xếp thứ tự Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện)

2. Các Chỉ số thành phần theo lĩnh vực

Chỉ số thành phần trung bình chung năm 2015 của cấp sở và cấp huyện phân theo lĩnh vực so với các năm trước có sự tăng trưởng đáng khích lệ. Cụ thể, ở cấp sở, ngành có 6/8 lĩnh vực có chỉ số tăng, 2/8 lĩnh vực giảm; ở cấp huyện có 7/8 lĩnh vực có chỉ số trung bình chung tăng, chỉ có 1/8 lĩnh vực giảm. Chỉ số cụ thể theo từng lĩnh vực như sau:

a. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

Qua kết quả Chỉ số CCHC năm 2015 và thực tiễn triển khai thực hiện công tác CCHC cho thấy kết quả thực hiện CCHC phụ thuộc phần lớn vào hiệu quả chỉ đạo điều hành CCHC, mức độ nhận thức, quyết tâm chính trị và sự chủ động của người đứng đầu đơn vị, tập thể lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan đó. Điều này được thể hiện qua việc các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện thực hiện tốt công tác chỉ đạo điều hành theo hướng dẫn của UBND tỉnh và cơ quan chuyên môn phụ trách, chủ động trong việc xây dựng sớm các kế hoạch hàng năm với đầy đủ các mục tiêu được xác định rõ ràng, chất lượng tốt như: kế hoạch CCHC, kế hoạch kiểm tra, kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC...; có sáng kiến trong công tác CCHC; bố trí đầy đủ nguồn lực (nhân lực, tài chính,...) cho công tác CCHC; thực hiện đúng quy định việc bố trí hòm thư góp ý tại cơ quan, đơn vị, bố trí sử dụng đường dây nóng để tiếp nhận phản ánh của các tổ chức, cá nhân...đều có kết quả chỉ số đánh giá về công tác chỉ đạo, điều hành CCHC cũng như kết quả chỉ số CCHC chung đạt kết quả cao, tiêu biểu như: Sở Tư pháp (23/23 điểm, đạt 100%), Sở Nội vụ (22,35/23 điểm, đạt 97,17%), Sở Giao thông vận tải (22,08/23 điểm, đạt 96%), Ban quản lý Khu

kinh tế (21,31/23 điểm, đạt 92,65%), Sở Kế hoạch và Đầu tư (21,2/23 điểm, đạt 92,17%), UBND thành phố Đồng Hới (20,16/23 điểm, đạt 87,65%), UBND huyện Quảng Ninh (18,43/23 điểm, đạt 80,13%)...

So với năm 2014, công tác chỉ đạo, điều hành CCHC có nhiều chuyển biến tích cực, nhất là trong việc bố trí nguồn lực phục vụ công tác CCHC tại các đơn vị, địa phương, gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả tích cực đó, còn một số hạn chế trong công tác triển khai, dẫn tới việc giảm chỉ số ở một số đơn vị, trong đó giảm mạnh nhất là Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch (giảm 2,33 điểm, tương ứng 10,13%), UBND huyện Bố Trạch (giảm 2,13 điểm, tương ứng 9,26%); một số sở, ngành có chỉ số chỉ đạo điều hành thấp như: Ban Dân tộc (15,86/23 điểm, đạt 68,96%), Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (16,04/23 điểm, đạt 69,74%), UBND huyện Minh Hóa (15,93/23 điểm, đạt 69,26 %)...

Nguyên nhân dẫn tới sự sụt giảm chỉ số hoặc chỉ số ở mức thấp do: nhiều sở, ban, ngành, địa phương chưa coi trọng, ít quan tâm tới công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, chưa chú trọng việc ban hành hoặc ban hành chậm kế hoạch CCHC (Văn phòng UBND tỉnh; Thanh tra tỉnh, UBND thị xã Ba Đồn, UBND huyện Bố Trạch); nhiều sở, ngành, UBND cấp huyện chỉ hoàn thành từ 70-80% kế hoạch đề ra; nhiều đơn vị, địa phương không có báo cáo CCHC hoặc báo cáo chậm thời gian so với quy định (Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, UBND thị xã Ba Đồn, UBND huyện Lệ Thủy,...); công tác kiểm tra CCHC, tuyên truyền CCHC chưa được quan tâm đúng mức, các nội dung tuyên truyền chưa thực sự lồng ghép nhiệm vụ và kết quả thực hiện CCHC của các đơn vị (Sở Tài chính, Sở Công thương, Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch, Thanh tra tỉnh, UBND huyện Lệ Thủy,...); các sáng kiến về CCHC còn ít được tìm tòi, nghiên cứu. Nhiều sở, ngành chưa gắn công tác thi đua khen thưởng với công tác CCHC, chưa đề ra được các tiêu chí để gắn với thi đua, khen thưởng; một số đơn vị cấp huyện chưa tổ chức được Hội nghị sơ kết công tác CCHC giai đoạn 2011-2015 theo chỉ đạo của UBND tỉnh, chưa kịp thời biểu dương khen thưởng các tổ chức, cá nhân đạt thành tích trong công tác CCHC (UBND các huyện: Lệ Thủy, Quảng Ninh, Minh Hóa).

Qua điều tra xã hội học lấy ý kiến khảo sát thì một số đơn vị, địa phương có chất lượng chỉ đạo, điều hành CCHC giảm do việc bố trí nguồn lực cho công tác CCHC và công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ CCHC chưa được quan tâm đúng mức, chất lượng và tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC tại một số đơn vị, địa phương được đánh giá thấp hơn so với năm 2014 (Thanh tra tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện Bố Trạch).

b. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL

Các tiêu chí thành phần về xây dựng, tham mưu xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố đã đánh giá khá toàn diện công tác triển khai thực hiện tại các đơn vị, địa phương, thể hiện qua các tiêu chí thành phần: mức độ xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch ban hành văn bản QPPL hàng năm đã được phê duyệt; thực hiện đúng quy trình xây dựng văn bản QPPL; mức độ phù hợp, tính khả thi, tính hiệu quả của văn bản QPPL; chủ động xây dựng kế hoạch rà soát, tự kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau rà soát, tự kiểm tra văn bản QPPL; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được thường xuyên và kịp thời...

Qua đánh giá, đối với cấp sở, có 19/20 đơn vị đạt chỉ số trên mức trung bình (chỉ có Sở Y tế đạt 3,59/10,5 điểm, tương ứng 34,19%); số sở, ngành có chỉ số trên 90% tăng 10% so với năm 2014, gồm 06 sở, ngành: Sở Tư pháp (đạt 98,10%), Sở Giáo dục và Đào tạo (đạt 97,05%), Sở Giao thông vận tải (đạt 96,10%), Sở Xây dựng (đạt 95,52%), Ban Quản lý Khu kinh tế (đạt 92,76%), Sở Khoa học và Công nghệ (đạt 90,29%). Tuy nhiên, chỉ số cũng cho thấy, còn nhiều sở, ngành có sự sụt giảm như: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội (đạt 62,29%, giảm 19,42%), Sở Thông tin và truyền thông (đạt 53,43%, giảm 28,67%), UBND huyện Lệ Thủy (đạt 82,46%, giảm 6,77%)...; một số sở, ngành tuy đã có chỉ số tăng so với năm trước nhưng chưa đáng kể nên vẫn ở mức Thấp: Sở Ngoại vụ (đạt 68,19%), Sở Công Thương (đạt 53,43%)...

Trên cơ sở chỉ số đạt được của các đơn vị theo từng tiêu chí, tiêu chí thành phần có thể chỉ ra một số tồn tại trong việc triển khai công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL tại đơn vị, địa phương như: một số sở, ngành, UBND cấp huyện còn hạn chế trong công tác tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL; mức độ thực hiện Kế hoạch xây dựng văn bản QPPL chưa cao; 30% sở, ngành chưa ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL (Sở Nội vụ, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Y tế, Ban Dân tộc...); 40% cơ quan, đơn vị chưa hoàn thành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị do HĐND, UBND tỉnh ban hành hoặc chưa có kết quả cụ thể sau rà soát, hệ thống hóa (Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Sở Ngoại vụ); việc xây dựng và thực hiện kế hoạch tự kiểm tra thực hiện văn bản QPPL tại các đơn vị chưa được quan tâm thực hiện (Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch, Sở Ngoại vụ, Thanh tra tỉnh, Ban Dân tộc); nhiều sở, ngành chưa ban hành kế hoạch tự kiểm tra văn bản QPPL, kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc

phạm vi của đơn vị (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Y tế, Thanh tra tỉnh, Ban Dân tộc)...

Đối với cấp huyện, Chỉ số đánh giá, Chỉ số điều tra xã hội học đối với lĩnh vực này đều đạt mức tương đối cao (đơn vị thấp nhất là UBND huyện Minh Hóa, đạt 9,64/13 điểm, tương ứng 74,15%). So với năm 2014, chỉ có UBND huyện Lệ Thủy có sự sụt giảm chỉ số (đạt 82,46%, giảm 6,77%), do việc xây dựng và thực hiện kế hoạch rà soát văn bản QPPL kém hiệu quả hơn, các đơn vị còn lại nhờ sự quan tâm, chủ động trong việc xây dựng và thực hiện các nội dung đã đề ra nên có kết quả chỉ số tăng cao, trong đó có: UBND thị xã Ba Đồn (đạt 96,23%, tăng 22,54%), UBND huyện Bố Trạch (đạt 82,07%, tăng 18,46%)...

c. Cải cách thủ tục hành chính

Thủ tục hành chính được coi là giải pháp đột phá trong mối quan hệ giải quyết công việc giữa cơ quan nhà nước đối với tổ chức, cá nhân, góp phần nâng cao hình ảnh của cơ quan hành chính nhà nước và đẩy mạnh CCHC nói chung. Chỉ số cải cách TTHC được đánh giá trên các nội dung: Việc ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC, mức độ thực hiện kế hoạch; thực hiện quy trình đánh giá tác động đối với các quy định về TTHC; cập nhật kịp thời các quy định mới ban hành, bổ sung, sửa đổi về TTHC; kiểm soát và tổ chức thực thi các TTHC đã được UBND tỉnh công bố; Công khai TTHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Kết quả cho thấy, chỉ số cải cách TTHC trung bình của các sở, ban, ngành là 78,87%. Kết quả cụ thể có 100% sở, ngành đạt Chỉ số trên mức trung bình (tăng 01 sở so với năm 2014). Tuy nhiên, chỉ có 2/20 sở, ngành đạt chỉ số trên 90%, giảm 01 sở, ngành so với năm trước (Sở Giao thông vận tải; Sở Giáo dục và đào tạo cùng đạt 91,3%, tương ứng 10,5/11,5 điểm). Một số đơn vị tuy đã có sự chủ động trong việc lập kế hoạch và triển khai các công tác cải cách TTHC, nhưng việc thực hiện quy trình đánh giá tác động đối với các quy định về TTHC; Cập nhật các quy định mới ban hành, bổ sung, sửa đổi về TTHC để trình UBND tỉnh công bố... chưa được thực hiện kịp thời, nên kết quả chỉ số chưa có sự chuyển biến mạnh mẽ như: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội (6,4/11,5 điểm, đạt 55,65%; tăng 8,69% so với năm 2014).

Đáng chú ý trong năm 2015, số sở, ngành có chỉ số giảm về tiêu chí cải cách TTHC chiếm tỷ lệ cao (50%), từ kết quả của các tiêu chí, tiêu chí thành phần, có thể xác định một số nguyên nhân sau: Còn một số cơ quan, đơn vị không ban hành hoặc ban hành chậm kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC (Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Ngoại vụ); mức độ hoàn thành kế hoạch thấp (Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Ngoại vụ); việc đánh giá tác động đối với các quy định về TTHC tại nhiều đơn vị chưa được thực hiện đầy đủ quy trình, chưa cập nhật kịp thời

các quy định mới ban hành, bổ sung, sửa đổi về TTHC để trình UBND tỉnh công bố (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội); nhiều sở, ngành chưa kịp thời phát hiện, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định về TTHC còn bất cập, vướng mắc.

Đối với cấp huyện, chỉ số cải cách TTHC trung bình đã tăng 6,32% so với năm 2014, chỉ có UBND huyện Minh Hóa đạt mức 35% (giảm 7,22% so với năm trước), 7/8 đơn vị còn lại đều đạt Chỉ số trên mức trung bình, trong đó có 2 đơn vị tăng vượt bậc: UBND thị xã Ba Đồn (đạt mức 66,11%; tăng 25%), UBND huyện Quảng Trạch (đạt mức 57,78%; tăng 16,67%), tuy nhiên Chỉ số trung bình chung vẫn ở mức thấp (63,26%) do vẫn còn nhiều đơn vị chưa thực sự quan tâm tới công tác cải cách TTHC dẫn tới việc ban hành các kế hoạch không kịp thời, mức độ thực hiện kế hoạch chỉ đạt từ 70-80%, riêng UBND huyện Minh Hoá chỉ đạt dưới 70%; việc phát hiện các vấn đề trong quy định về TTHC chưa được triển khai thực hiện tích cực; nhiều địa phương không tổ chức rà soát, đánh giá các quy định về TTHC trọng tâm theo chương trình rà soát của tỉnh ban hành (UBND huyện Lệ Thủy, UBND huyện Tuyên Hoá...).

d. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Chỉ số cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước năm 2015 cho thấy hầu hết các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện đã tổ chức thực hiện tốt nội dung cải cách tổ chức bộ máy, góp phần đạt được chỉ số cao tại các tiêu chí về: tuân thủ các quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy; thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; thanh tra, kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc; thực hiện phân cấp quản lý theo quy định; thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý các vấn đề về phân cấp quản lý... Do đó, chỉ số cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước trung bình của các sở, ngành đã tăng 13,39% so với năm 2014 (đạt mức 96,96%), có 100% đơn vị đạt chỉ số từ 88% trở lên. Cụ thể, có 18/20 sở, ngành đạt Chỉ số cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước trên 90% (tăng 06 đơn vị so với năm 2014); các sở, ngành còn lại (Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch, Sở Ngoại vụ) đều đạt chỉ số ở mức cao (trên 88%).

Tại cấp huyện, có 05/8 huyện, thành phố, thị xã đạt Chỉ số cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước trên 90% (tăng 04 đơn vị so với năm 2014), 01 đơn vị đạt chỉ số khá (UBND huyện Minh Hóa, đạt 76,1%), 01 đơn vị đạt chỉ số Trung bình (UBND huyện Quảng Trạch, đạt 69,3%), 01 đơn vị đạt chỉ số thấp dưới mức trung bình (UBND huyện Tuyên Hóa, đạt 4,88/10 điểm, tương ứng 48,8%). Nguyên nhân dẫn tới một số đơn vị đạt Chỉ số thấp có thể thấy như: nhiều đơn vị chưa xây dựng được các kế hoạch thanh tra, kiểm tra tổ chức hoạt động các cơ quan chuyên môn trực thuộc hoặc mức độ thực hiện thanh tra, kiểm

tra thấp (UBND các huyện: Quảng Trạch, Tuyên Hóa, Minh Hóa); một số đơn vị chưa thực hiện kiểm tra và xử lý các vấn đề sau kiểm tra đối với việc đánh giá định kỳ các nhiệm vụ đã phân cấp cho các đơn vị trực thuộc (UBND huyện Tuyên Hóa)...

e. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Qua kết quả thẩm định và điều tra xã hội học cho thấy, các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện đã triển khai thực hiện có hiệu quả việc xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (Chỉ số của các đơn vị, địa phương đều đạt ở mức cao, xấp xỉ 80%). Trong đó, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện đạt chỉ số cao gồm: Sở Tư pháp (14,93/16 điểm, đạt 93,31%), Sở Thông tin và Truyền thông (14,71/16 điểm, đạt 91,94%), UBND huyện Quảng Ninh (16,93/18 điểm, đạt 94,06%), UBND huyện Tuyên Hóa (16,9/18 điểm, đạt 93,89%)... Trên cơ sở kết quả, có thể thấy việc xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm; thực hiện bố trí công chức, viên chức được tuyển dụng... Đã được các đơn vị, địa phương thực hiện đúng quy định; công tác đào tạo, bồi dưỡng; đánh giá cán bộ, công chức, viên chức được sự quan tâm chỉ đạo thực hiện nghiêm túc. Chất lượng cán bộ, công chức viên chức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm đối với công việc, thái độ phục vụ của cán bộ công chức qua điều tra khảo sát được nhân dân, các tổ chức có liên quan và doanh nghiệp được đánh giá khá tốt.

Tuy nhiên, Chỉ số cũng phản ánh 100% cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực hiện được việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của đơn vị; một số cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm còn thấp, việc cử công chức, viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng do tỉnh tổ chức còn hạn chế (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch, UBND huyện Quảng Trạch,...); nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương chưa xây dựng kế hoạch để thu hút người tài về công tác theo Quyết định số 17/2011/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách thu hút, đào tạo nhân tài tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2011-2015.

Qua điều tra, khảo sát ý kiến người dân và doanh nghiệp về chất lượng cán bộ, công chức, viên chức cho thấy, còn một bộ phận nhỏ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ chưa đáp ứng yêu cầu công việc, tinh thần trách nhiệm đối với công việc chưa cao; tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương vẫn còn tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân.

f. Đổi mới cơ chế tài chính

Chỉ số đổi mới cơ chế tài chính được đánh giá trên các tiêu chí về thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại các cơ quan hành chính, đánh giá thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập; điều tra khảo sát tác động của việc thực hiện cơ chế tài chính đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương. Qua kết quả cho thấy, 100% cơ quan hành chính đã thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính sự nghiệp; thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc đúng quy định, việc đổi mới cơ chế tài chính năm 2015 tại tỉnh thực hiện tương đối tốt. Cụ thể: Chỉ số bình quân chung các sở, ngành đạt 93,21% (tăng 6,21% so với năm 2014), tuy có 4/20 sở, ban, ngành có sự sụt giảm về chỉ số, nhưng nhìn chung các đơn vị đều đạt ở mức cao (trên 85%); chỉ số bình quân cấp huyện đạt 91,91% (tăng 2,07%), chỉ có 1/8 huyện có chỉ số giảm (UBND huyện Bó Trạch) do kết quả điều tra xã hội học đánh giá tác động của việc thực hiện cơ chế tài chính tại UBND cấp huyện đạt mức thấp hơn.

Những chỉ số trên cho thấy sự nỗ lực của nhiều đơn vị, địa phương trong đổi mới cơ chế tài chính, thông qua việc thực hiện tốt cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại đơn vị và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc, điển hình như: Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư (đều đạt 4/4 điểm, đạt 100%), UBND huyện Quảng Ninh (đạt 3,81/4 điểm, tương ứng 95,25%)...

g. Hiện đại hóa hành chính

Chỉ số hiện đại hóa hành chính được đánh giá tại 3 tiêu chí: Ứng dụng công nghệ thông tin; chất lượng cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử và áp dụng ISO trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Kết quả có 11 sở, ngành và 03 huyện, thành phố, thị xã (giữ nguyên so với năm 2014) đạt Chỉ số hiện đại hóa hành chính trên 80%. Phân tích sâu ở các tiêu chí thành phần, có 100% sở, ngành và UBND cấp huyện đã tổ chức thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước đúng quy định, 100% cơ quan, đơn vị có sử dụng mạng nội bộ để trao đổi công việc, văn bản điện tử; 100% cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai thực hiện và ứng dụng phần mềm quản lý văn bản, trong đó có 10 sở, ngành thực hiện tốt; 04 sở, ngành thực hiện tương đối tốt; 06 sở, ngành và 07 UBND cấp huyện thực hiện khá; 01 UBND cấp huyện ở mức trung bình (UBND thị xã Ba Đồn). Trang thông tin điện tử của các sở, ngành, địa phương được xây dựng và cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc cơ quan, đơn vị. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO được tiếp tục duy trì, cải tiến theo đúng quy định.

Tuy nhiên, qua Chỉ số hiện đại hóa hành chính có thể thấy, mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đang chủ yếu ở mức độ 1 và 2, số thủ tục hành chính được thực hiện theo mức độ 3 còn hạn chế (chỉ có Sở Giao thông vận tải và Sở Kế hoạch và Đầu tư có cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3), chưa có thủ tục hành chính nào được thực hiện theo mức độ 4; việc sử dụng thư điện tử của tỉnh trong trao đổi công việc, nhất là việc sử dụng hộp thư điện tử công vụ tại nhiều đơn vị, địa phương chưa được triển khai thực hiện; Việc cập nhật thông tin lên Trang thông tin điện tử của một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn chậm (Thanh tra tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Minh Hóa, UBND huyện Bố Trạch), mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác còn hạn chế (Sở Ngoại vụ, UBND huyện Minh Hóa); còn 4/8 đơn vị cấp huyện chưa triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO (UBND các huyện: Lệ Thủy, Ba Đồn, Quảng Trạch, Minh Hóa), một số sở, ngành chưa thường xuyên duy trì, cải tiến hệ thống ISO (Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế).

h. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Chỉ số thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông được đánh giá trên các tiêu chí về xây dựng duy trì Bộ phận một cửa, một cửa liên thông; về số lượng TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận một cửa, một cửa liên thông; chất lượng phục vụ tại Bộ phận một cửa, một cửa liên thông của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã.

Qua Chỉ số thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông cho thấy hiện có 13/20 sở, ngành đang duy trì Bộ phận một cửa, trong đó có 03 sở, ngành đang áp dụng cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết công việc (Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Ngoại vụ), 7/8 huyện, thành phố, thị xã đã xây dựng và đưa vào sử dụng Bộ phận một cửa liên thông hiện đại (riêng UBND huyện Quảng Trạch đang trong quá trình xây dựng trụ sở nên chưa áp dụng). Cơ sở vật chất tại Bộ phận một cửa liên thông hiện đại cấp huyện được trang bị đầy đủ, đúng quy định. Qua điều tra khảo sát cho thấy chất lượng giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa, một cửa liên thông tại nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương theo đánh giá của người dân, doanh nghiệp ở mức tương đối tốt.

Tuy nhiên, qua kết quả chỉ số cho thấy vẫn còn một số tồn tại như: Ngoài các đơn vị do nguyên nhân khách quan, điều kiện cơ sở vật chất không đảm bảo để bố trí bộ phận một cửa theo quy định (Sở Nội vụ; Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch; Ban Dân tộc), vẫn còn nhiều đơn vị cấp sở không thực hiện Bộ phận một cửa, một cửa liên thông; việc tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC từ tổ chức, cá

nhân chưa đúng theo quy chế tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông (Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội); 85% số đơn vị cấp sở chưa áp dụng cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết công việc tại bộ phận một cửa; Tỷ lệ số thủ tục hành chính được giải quyết theo cơ chế một cửa tại cấp huyện so với số thủ tục hành chính phải giải quyết theo quy định có tỷ lệ thấp, chưa đạt yêu cầu (100% đơn vị cấp huyện đạt dưới 50%); điều kiện về sơ sở, vật chất tại Bộ phận một cửa ở một số sở, ngành chưa đáp ứng yêu cầu (Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính). Việc triển khai Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 05/9/2014 của UBND tỉnh tại các đơn vị, địa phương còn chưa triệt để, một số biểu mẫu chưa được cán bộ, công chức sử dụng. Diện tích bố trí cho nơi ngồi chờ, nơi đón tiếp tổ chức, cá nhân đến giao dịch chưa đảm bảo. Qua điều tra khảo sát cho thấy thời gian, chất lượng giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa, một cửa liên thông tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa đảm bảo quy định, còn hồ sơ giải quyết chậm, trễ hẹn...

(Đính kèm Phụ lục 7, 8 - Tổng hợp điểm theo các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh).

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét, đánh giá

a. Ưu điểm

- Việc triển khai kế hoạch xác định Chỉ số CCHC về cơ bản theo đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng và tiến độ thời gian. Trong quá trình triển khai, Sở Nội vụ đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, được đông đảo người dân, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan nhiệt tình phối hợp, trả lời phiếu điều tra, khảo sát.

- Việc tổ chức công tác tự đánh giá, chấm điểm được các cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành nghiêm túc, khách quan, tương đối chính xác, việc chấm các tiêu chí dựa trên các căn cứ, tài liệu kiểm chứng đảm bảo độ tin cậy cao. Công tác thẩm định được tổ chức khẩn trương, nghiêm túc, phát huy được sự tham gia của các sở, ban, ngành trong việc đề xuất ý kiến, tham mưu để Sở Nội vụ có cơ sở trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định điểm đánh giá đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã một cách khách quan, công bằng.

- Công tác điều tra xã hội học được triển khai kịp thời, các mẫu phiếu thu về phản ánh tương đối trung thực, khách quan tình hình triển khai công tác CCHC tại các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã; tạo cơ sở để

các cơ quan, đơn vị, địa phương tự đánh giá mức độ hài lòng của các đối tượng điều tra đối với việc thực thi công vụ tại đơn vị mình.

- Chỉ số CCHC phản ánh tương đối khách quan, trung thực kết quả triển khai CCHC thực tế của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố năm 2015; là nguồn thông tin quan trọng giúp các cơ quan, đơn vị, địa phương nhận biết được những mặt mạnh, mặt yếu của mình trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC năm 2015, từ đó tác động tích cực đến công tác chỉ đạo, điều hành CCHC của người đứng đầu cơ quan hành chính trong các năm tiếp theo.

b. Tồn tại, hạn chế

- Qua 3 năm khai thực hiện nhưng một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn lúng túng trong tổ chức thực hiện. Cơ sở dữ liệu về các lĩnh vực CCHC còn thiếu nên khó khăn cho việc đánh giá các tiêu chí, tiêu chí thành phần. Việc phối hợp giữa các cơ quan tham mưu CCHC và các cơ quan liên quan chưa chặt chẽ, thường xuyên nên ảnh hưởng đến công tác tổng hợp, thu thập số liệu để tự chấm điểm cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC.

- Nguồn lực triển khai xác định Chỉ số CCHC còn thiếu. Nhất là công tác điều tra xã hội học các nhóm đối tượng phải tiến hành với quy mô mẫu lớn, thời gian triển khai ngắn, trong khi sự phối hợp của một số cơ quan còn lúng túng, ảnh hưởng đến việc triển khai tiến độ thời gian điều tra xã hội học.

- Một số sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã chưa quan tâm chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên, quyết liệt nên kết quả triển khai chậm so với quy định, báo cáo tự đánh giá, chấm điểm sơ sài, không theo hướng dẫn của và thiếu các tài liệu kiểm chứng, do đó phải yêu cầu bổ sung tài liệu và hoàn thiện lại báo cáo, ảnh hưởng đến tiến độ thời gian.

2. Đề xuất, kiến nghị

Để đảm bảo triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2016 và các năm tiếp theo được tốt hơn, cũng như nâng cao hiệu quả thực hiện công tác CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thời gian tới, Sở Nội vụ đề xuất, kiến nghị một số vấn đề sau :

- Đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã căn cứ vào Chỉ số CCHC năm 2015, chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, có giải pháp cần thiết trong xây dựng, tổ chức thực hiện các nội dung kế hoạch CCHC năm 2016, nâng cao chất lượng, hiệu quả triển khai CCHC của mình, nhất là tập trung vào những lĩnh vực còn yếu. Tiếp tục quan tâm chỉ đạo và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức triển khai tốt hơn kế hoạch CCHC tại đơn vị, chuẩn bị cho việc xác định Chỉ số CCHC năm 2016 và các năm tiếp theo.

- Trên cơ sở rút kinh nghiệm trong triển khai xác định Chỉ số CCHC 3 năm vừa qua, Sở Nội vụ sẽ phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương, các chuyên gia CCHC, tiếp tục nghiên cứu đề nghị UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC cấp sở, cấp huyện để đánh giá kết quả triển khai CCHC tại các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã thực chất, hiệu quả hơn. Đồng thời, Sở Nội vụ cũng xem xét, rút kinh nghiệm công tác tổ chức điều tra xã hội học được tốt hơn để kết quả thu được phản ánh thực chất, khách quan ý kiến của người dân, tổ chức, cán bộ, công chức đánh giá về kết quả CCHC cấp sở, cấp huyện.

- Đề nghị UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài chính quan tâm bố trí kinh phí đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra để Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã có đủ điều kiện và thuận lợi hơn trong triển khai kế hoạch xác định Chỉ số CCHC năm 2016 và các năm tiếp theo.

Với những kết quả đã đạt được nêu trên, Sở Nội vụ kính báo cáo và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công bố Chỉ số CCHC năm 2015 của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Bình./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND cấp huyện;
- Lưu: VT, CCHC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Văn Cường